TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ QUÝ
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09 /2018/HS-ST
Ngày: 16/11/2018.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ QUÝ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hoài Tân.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Hoàng Oanh;
2. Ông Đỗ Văn Hải;

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Phương Dung - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Phú Quý.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Quý tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Phất - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Quý xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 09/2018/HSST ngày 29 tháng 10 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2018/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 11 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Kim Gi; Sinh ngày 20/7/1986 tại huyện PQ, tỉnh Bình Thuận.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn TD - xã TT - huyện PQ - tỉnh Bình Thuận.

Nghề nghiệp: Buôn bán hải sản; trình độ văn hóa 03/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông NGUYỄN L (đã chết) và bà ĐỖ THỊ U; Chồng: Phan Thanh L (đã ly hôn vào ngày 21/8/2018); Con: Phan Trung Nh - sinh 13/01/2012 và Phan Trung Q - sinh 04/01/2017; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo đang tại ngoại và bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú *(*có mặt tại phiên tòa).

**** Người bị hại:***

- Bà **NGUYỄN THỊ X** - sinh năm 1969 *(vắng mặt)*;

Bà Nguyễn Thị X ủy quyền cho ông Đỗ Văn Tr tham gia tố tụng theo Giấy ủy quyền ngày 05/11/2018.

- Ông **ĐỖ VĂN TR** - sinh năm 1968 *(có mặt)*;

Cùng địa chỉ: thôn TD, xã TT, huyện PQ; có mặt tại phiên tòa.

**** Người làm chứng:***

1. Chị Đỗ Thị Bích Th - sinh năm 1993 *(có mặt);*

2. Anh Đỗ Nhựt Thg - sinh năm 1991 *(có mặt)*;

Cùng địa chỉ: thôn TD, xã TT, huyện PQ, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 08/4/2014, Nguyễn Thị Kim Gi, sinh ngày 20/7/1986 (thường trú tại thôn TD, xã TT, huyện PQ) đến tiệm làm tóc của chị Ngô Thị Thanh X (sinh năm 1978, ở cùng thôn) thì tình cờ gặp chị Đỗ Thị Bích Th, sinh năm 1993 (trú tại thôn QH, xã LH, huyện PQ, tỉnh Bình Thuận) cũng đếm tiệm làm tóc. Tại đây Th kể cho Gi nghe chuyện Th đã tốt nghiệp Cao đẳng chuyên ngành khoa học cây trồng, nhưng đến nay chưa xin được việc làm. Nguyễn Thị Kim Gi liền nảy sinh ý định lừa chị Th bằng cách nói dối với Th rằng, Giàu có quen biết bà Nguyễn Thị M là Trạm trưởng Trạm Nông - Lâm nghiệp huyện PQ và một số người làm ở ngành lâm nghiệp ở Thành phố PT, sẽ xin được cho Th vào làm việc tại Trạm Nông - Lâm nghiệp huyện PQ nếu Th đưa cho Gi số tiền từ 40 - 50 triệu đồng. Mục đích của Nguyễn Thị Kim Gi là sẽ chiếm đoạt số tiền này để đi khám chữa bệnh (Gi bị bệnh bướu vú) và tiêu xài cá nhân. Th nghe Gi nói vậy Th nói để về bàn bạc với cha, mẹ sau đó trả lời sau. Th đem chuyện này về kể lại với cha ruột là ông Đỗ Văn Tr, sinh năm 1968 và mẹ ruột là bà Nguyễn Thị Xn, sinh năm 1969 (trú tại thôn TD, xã TT, PQ, Bình Thuận) thì được ông Tr và bà X đồng ý và gọi cho Gi đến nhà để thỏa thuận. Tại nhà của vợ chồng ông Tr, hai bên thống nhất rằng vợ chồng ông Tr sẽ đưa cho Gi số tiền 50 triệu đồng để Gi lo cho Đỗ Thị Bích Th vào làm việc tại Trạm Nông - Lâm nghiệp huyện PQ. Do không có đủ tiền một lúc 50 triệu đồng, nên vợ chồng ông Tr đưa trước 30 triệu đồng và hẹn sẽ đưa tiếp số tiền còn lại là 20 triệu đồng sau. Khoảng vài ngày sau thì bà Nguyễn Thị X (vợ ông Tr) có đưa tiếp cho Gi số tiền 20 triệu đồng còn lại tại nhà bà X. Sau khi nhận tiền Gi đã sử dụng vào mục đích cá nhân (chữa bệnh, tiêu xài cá nhân) mà không có hành động gì để xin việc cho con bà X vì G không quen biết ai có thẩm quyền trong lĩnh vực này.

Sau đó, Nguyễn Thị Kim Gi tiếp tục gọi điện thoại cho bà X để yêu cầu đưa thêm tiền lo hồ sơ, quà cáp để giải quyết việc làm cho chị Th. Vì tin tưởng Gi và mong muốn lo được việc làm cho con nên vợ chồng ông Tr đã đi vay mượn ở nhiều nơi để đưa cho Gi. Tổng cộng, từ tháng 04/2014 đến tháng 01/2016 vợ chồng ông Tr đã đưa cho Gi số tiền là 331.500.000 đồng (Ba trăm ba mươi mốt triệu năm trăm ngàn đồng). Trong đó, lần nhận tiền cuối cùng tại nhà bà X 4.000.000 (bốn triệu đồng) thì có anh Đỗ Nhựt Th là con trai của vợ chồng ông Tr nghi ngờ Gi lừa đảo nên mới dùng điện thoại di động ghi lại hình ảnh, diễn biến vụ việc Gi nhận tiền. Sau đó vợ chồng ông Tr làm đơn tố cáo đến cơ quan chức năng để giải quyết. Qua quá trình điều tra Nguyễn Thị Kim Gi đã thừa nhận hành vi

phạm tội của mình và chỉ nhớ cụ thể được tổng cộng 10 lần nhận tiền 256.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi sáu triệu đồng) ở nhiều địa điểm khác nhau trên địa bàn xã TT, số tiền còn lại 75.500.000 đồng (bảy mươi năm triệu năm trăm ngàn đồng) Gi có nhận nhưng không nhớ rõ cụ thể chính xác, địa điểm giao nhận tiền (các bút lục số 164-172, 176-184, 196-199).

Ngày 09/7/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện PQ và Viện kiểm sát nhân dân huyện PQ đã tổ chức xác định lại hiện trường, kết quả xác định việc giao nhận tiền tại các địa điểm phù hợp với lời khai của bị hại và bị cáo (bút lục số 296-305).

+ Về vật chứng tạm giữ gồm:

- 01 thiết bị lưu trữ dữ liệu điện tử (USB), bên trong có chứa 02 đoạn video quay lại việc Nguyễn Thị Kim Gi đến gia đình nhà bà X yêu cầu đưa số tiền 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) để lo xin việc cho chị Th; 01 dữ liệu dung lượng âm thanh có dung lượng 25,8Mb bên trong lưu giữ lời khai của Gi; 01 điện thoại di động NOKIA RM-113 bên trong có 01 sim Viettel 09782996437 và 01 sim Mobiphone 0933785513.

- Vật chứng tạm giữ đưa vào hồ sơ vụ án: 01 hợp đồng tín dụng ngân hàng, 05 biên lai thu tiền lãi Ngân hàng; 01 bằng tốt nghiệp Cao đẳng (photo) của Đỗ Thị Bích Th; 01 sổ khám chữa bệnh và các tài liệu liên quan đến Nguyễn Thị Kim Gi chữa bệnh.

+ Xử lý vật chứng: Ngày 08/10/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện PQ đã có Quyết định xử lý vật chứng số 23, trao trả cho Nguyễn Thị Kim Gi 01 điện thoại di động NOKIA RM-113 bên trong có 01 sim Viettel 09782996437 và 01 sim Mobiphone 0933785513.

+ Về dân sự: Người bị hại ông Đỗ Văn Tr và bà Nguyễn Thị X yêu cầu bị cáo Nguyễn Thị Kim Gi phải trả lại đủ số tiền bị chiếm đoạt là 331.500.000 đồng (ba trăm ba mươi mốt triệu năm trăm ngàn đồng) và tiền lãi vay Ngân hàng là 46.200.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu hai trăm ngàn đồng). Tổng cộng là 377.700.000 đồng (Ba trăm bảy bảy triệu, bảy trăm ngàn đồng). Nguyễn Thị Kim Gi đồng ý và đã bồi thường cho bị hại số tiền 27.000.000 đồng (hai mươi bảy triệu đồng), còn lại số tiền 350.700.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu bảy trăm ngàn đồng) Gi chưa có tiền và tài sản nên chưa bồi thường được.

Bản cáo trạng số 11/CT-VKSPQ, ngày 29/10/2018 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện PQ đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị Kim Gi về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 3 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ nguyên cáo trạng đã truy tố và căn cứ vào tính chất, mức độ, nhân thân của bị cáo Nguyễn Thị Kim Gi, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng Điểm a khoản 3 Điều 139; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Xử phạt: Bị

cáo Nguyễn Thị Kim Gi từ 03 năm đến 04 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

+ Về dân sự: Người bị hại ông Đỗ Văn Tr và bà Nguyễn Thị X yêu cầu bị cáo Nguyễn Thị Kim Gi phải trả lại số tiền bị chiếm đoạt là 304.500.000 đồng (ba trăm lẻ bốn triệu năm trăm ngàn đồng) và tiền lãi vay Ngân hàng là 46.200.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu hai trăm ngàn đồng). Tổng cộng là: 350.700.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu bảy trăm ngàn đồng). Yêu cầu của ông Đỗ Văn Tr và bà Nguyễn Thị X là phù hợp, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị Kim Gi đã khai báo thành khẩn hành vi phạm tội của mình. Bị cáo Gi cho rằng cáo trạng truy tố bị cáo về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo khoản 3 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009 là đúng người, đúng tội. Bị cáo đã thấy được sai trái, xin xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến đối đáp tranh luận gì. Bị cáo chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện PQ, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện PQ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Qua quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử thấy các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về thủ tục: Vắng mặt người bị hại bà Nguyễn Thị X. Tuy nhiên, ngày 05/11/2018, bà Nguyễn Thị X đã có văn bản ủy quyền cho chồng là ông Đỗ Văn Tr tham gia tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử theo quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị Kim Gi đã khai nhận toàn bộ hành vi đã thực hiện đúng như nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và phù hợp với các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ khẳng định: Do có mục đích chiếm đoạt tài sản để có tiền chữa bệnh và tiêu xài nên trong khoảng thời gian từ tháng 4/2014 đến tháng 01/2016 Nguyễn Thị Kim Gi đã đưa ra thông tin sai sự thật là mình có khả năng xin được việc làm cho chị Đỗ Thị Bích Th, sinh năm 1993 (trú tại thôn QH, xã LH, huyện PQ, tỉnh Bình Thuận) vào làm việc tại Trạm Nông - Lâm nghiệp huyện PQ, làm cho vợ chồng ông Đỗ Văn Tr và bà Nguyễn Thị X, trú tại thôn TD - xã TT - huyện PQ - tỉnh Bình Thuận (là

cha, mẹ ruột của chị Đỗ Thị Bích Th) tin tưởng và nhiều lần giao tiền cho Nguyễn Thị Kim Gi tại nhà của vợ chồng ông Tr và nhiều nơi khác thuộc địa bàn xã TT với tổng số tiền bị chiếm đoạt là 331.500.000 đồng (ba trăm ba mươi mốt triệu năm trăm ngàn đồng).

Sau khi giao tiền cho bị cáo Giàu, nhưng chị Đỗ Thị Bích Th không được vào làm tại Trạm Nông - Lâm nghiệp huyện PQ. Qua tìm hiểu, biết bị lừa nên bị hại đã có đơn trình báo cơ quan Công an huyện PQ đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Mặc dù Nguyễn Thị Kim Gi không có chức năng, thẩm quyền về việc tuyển dụng cán bộ công chức tuy nhiên Gi vẫn dùng thủ đoạn gian dối, đưa ra thông tin để bị hại tin tưởng giao tiền cho mình nhằm mục đích chiếm đoạt số tiền 331.500.000 đồng (ba trăm ba mươi mốt triệu năm trăm ngàn đồng) của vợ chồng ông Đỗ Văn Tr và bà Nguyễn Thị X như trên. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", thời điểm bị cáo phạm tội trong khoảng thời gian từ tháng 4/2014 đến tháng 01/2016 do đó áp dụng Bộ luật hình sự năm 1999 để xét xử đối với bị cáo.

Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 quy định:

1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

2……

3. Phạm tội thuộc trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười năm lăm:

a) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ hai trăm triệu đồng đến dưới năm trăm triệu đồng;

Xét tính chất, mức độ, hành vi của bị cáo thấy: Tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi của bị cáo xâm phạm trực tiếp đến tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, gây mất trật tự trị an xã hội. Do vậy, cần có mức án nghiêm minh, tương xứng với hành vi bị cáo đã gây ra để có đủ thời gian cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai nhận, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, hiện tại bị cáo đã ly hôn đang phải nuôi 02 con còn nhỏ, bản thân bị cáo đang bị bệnh bướu vú; hơn nữa bị cáo đã bồi thường khắc phục được một phần thiệt hại nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

được quy định tại các điểm b, p của khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009.

+ *Về trách nhiệm dân sự*: Người bị hại yêu cầu bị cáo phải trả lại đủ số tiền bị chiếm đoạt là 331.500.000 đồng (ba trăm ba mươi mốt triệu năm trăm ngàn đồng) và tiền lãi vay Ngân hàng là 46.200.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu hai trăm ngàn đồng). Tổng cộng là 377.700.000 đồng (Ba trăm bảy bảy triệu, bảy trăm ngàn đồng). Bị cáo Giàu đồng ý và đã bồi thường cho bị hại số tiền 27.000.000 đồng (hai mươi bảy triệu đồng), còn lại số tiền 350.700.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu bảy trăm ngàn đồng) Giàu chưa có tiền và tài sản nên chưa bồi thường được. Do đó cần buộc bị cáo bồi thường số tiền còn lại 350.700.000 đồng.

+ *Xử lý vật chứng:* Ngày 08/10/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện PQ đã có Quyết định xử lý vật chứng số 23, trao trả cho Nguyễn Thị Kim Gi 01 điện thoại di động NOKIA RM-113 bên trong có 01 sim Viettel 09782996437 và 01 sim Mobiphone 0933785513. Việc trả lại tài sản này là phù hợp với các quy định tại Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

Riêng 01 thiết bị lưu trữ dữ liệu điện tử (USB), bên trong có chứa 02 đoạn video quay lại việc Nguyễn Thị Kim Gi đến gia đình nhà bà X yêu cầu đưa số tiền 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) để lo xin việc cho chị Th; 01 dữ liệu dung lượng âm thanh có dung lượng 25,8Mb bên trong lưu giữ lời khai của Giàu; 01 hợp đồng tín dụng ngân hàng, 05 biên lai thu tiền lãi Ngân hàng; 01 bằng tốt nghiệp Cao đẳng (photo) của Đỗ Thị Bích Th; 01 sổ khám chữa bệnh và các tài liệu liên quan đến Nguyễn Thị Kim Gi chữa bệnh có tại hồ sơ vụ án. Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, tiếp tục lưu giữ tại hồ sơ vụ án.

+ *Về án phí*: Bị cáo phải nộp án phí theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố:

Bị cáo Nguyễn Thị Kim Gi phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009.

- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Kim Gi 04 (Bốn) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009; Điều 305, Điều 307, 604, 605, 606 và 608 Bộ luật dân sự năm 2005.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Kim Gi có trách nhiệm bồi thường cho vợ chồng ông Đỗ Văn Tr và bà Nguyễn Thị X số tiền 350.700.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu bảy trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật và kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu mà người phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

+ Về án phí: Áp dụng: Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Thị Kim Gi phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm và 17.535.000 đồng *(Mười bẩy triệu năm trăm ba mươi năm ngàn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

+ Quyền kháng cáo: Án xử công khai, bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 16/11/2018). Đối bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND, CA huyện PQ;
- Chi cục THA dân sự huyện PQ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

NGUYỄN HOÀI TÂN